BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM
Số: 3359/TB-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2025

Kính gửi:

- Các Trường Đại học Y - Dược, Học viện, Viện;
- Các Sở Y tế, Bệnh viện, Trung tâm y tế, Phòng Y tế;
- Các Đơn vị Y tế thuộc lực lượng vũ trang;
- Hội Đông y các tỉnh/ thành phố.

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT- BGD-ĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Cục Khoa học công nghệ và đào tạo Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II và Bác sĩ Nội trú;

Căn cứ Quyết định số 2041/QĐ-BYT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số nội dung lĩnh vực khoa học công nghệ và đào tạo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh).

I. DỰ KIẾN CHỈ TIÊU VÀ CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

TT	Trình độ	Ngành	Chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
1	Chuyên khoa I	Châm cứu	14	14	0
2	Thạc sĩ định hướng nghiên cứu	Y học cổ truyền	20	13	07
3	Thạc sĩ định hướng ứng dụng	Y học cổ truyền	15	15	0
4	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	02	0	02
5	BSNT	Y học cổ truyền	10	10	0

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ CÁC MÔN THI TUYỂN CỦA CÁC TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC

1. Tuyển sinh trình độ Tiến sĩ

1.1. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 3-4 năm

1.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

1.3. Điều kiện dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc tốt nghiệp các trình độ đào tạo ngành Y học cổ truyền bậc 7 hoặc tương đương hoặc tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Y học cổ truyền hạng giỏi trở lên;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định (phụ lục 2) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện là tiếng Anh hoặc tiếng Trung.

d) Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền đạt yêu cầu tốt nghiệp loại giỏi có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại giỏi trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học). Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

e) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

1.4. Hồ sơ xét tuyển

a) Đơn xin xét tuyển (*theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển*)

b) Lý lịch khoa học người dự tuyển.

c) Bản sao văn bằng, bảng điểm công chứng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ, tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7; Chứng chỉ, bảng điểm ngoại ngữ công chứng.

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 của điều kiện dự tuyển.

đ) Đề cương nghiên cứu *(theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển),* bài luận; dự kiến kế hoạch học tập, kế hoạch nghiên cứu toàn khóa.

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

h) Giấy xác nhận thời gian công tác (Đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ);

i) Các giấy tờ khác gồm có: Bản sao giấy khai sinh; 04 ảnh 3x4 và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận; Giấy chứng nhận sức khỏe; Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng; Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);

k) Giấy chấp thuận hướng dẫn của người dự kiến hướng dẫn: Được sự đồng ý chấp thuận hướng dẫn bằng văn bản của ngươi dự kiến hướng dẫn đủ tiêu chuẩn theo quy chế, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.

l) Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn.

1.5. Điều kiện xét tuyển và trúng tuyển

1.5.1. Điều kiện xét tuyển: căn cứ tiêu chí xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ của ứng viên dự tuyển: phải đạt tất cả các tiêu chí xét (Phụ lục 1)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu, kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa, báo cáo tổng quan và phỏng vấn báo cáo đề cương đánh giá năng lực của ứng viên dự tuyển tối đa 10 điểm, các mục thành phần phải có điểm (không có mục nào điểm 0), tổng điểm phải đạt từ 5,0 điểm. Trong đó điểm phần 1 (nội dung khoa học) phải đạt từ 3,5 điểm trở lên (Phụ lục 1)

1.5.2. Xét trúng tuyển:

- Căn cứ kết quả phần 1 và kết quả phần 2 từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu tuyển sinh.

- Trường hợp ứng viên có tổng điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 2. Nữ .

2. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu

2.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền và hạng tốt nghiệp trình độ đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu tốt nghiệp từ hạng khá trở lên (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại khá trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học) hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu. Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định (phụ lục 2) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

2.2. Phương thức tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

2.2.1. Xét tuyển:

- Áp dụng đối với các ứng viên đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ định hướng nghiên cứu đáp ứng đủ điều kiện tại mục 2.1

- Các ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 2.1 đối với người nước ngoài.

2.2.2. Thi tuyển

- Tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 2.1.

2.2.3. Địa điểm tuyển sinh

Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ – Thành phố Hà Nội.

2.3. Các môn thi tuyển sinh và nội dung xét tuyển

2.3.1. Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh HVYDCT-SĐH năm 2025 quyết định).

- Môn chuyên ngành: Bệnh học Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh HVYDCT-SĐH năm 2025 quyết định).

2.3.2. Xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ ứng viên (Phụ lục 3)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên (Phụ lục 3)

2.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).

2. Sơ yếu lý lịch.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe.

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).

6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).

7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

2.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

2.5.1. Xét tuyển chương trình thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu:

- Phần 1: Hồ sơ đạt yêu cầu quy định tại phần 2.1

- Phần 2: Tổng điểm phải đạt từ 7.0 điểm trở lên (phụ lục 3)

- Căn cứ kết quả xét tuyển xếp thứ tự đến hết chỉ tiêu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Các đối tượng ưu tiên; 4. nữ.

2.5.2. Thi tuyển chương trình thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu:

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. nữ.

2.6. Hình thức đào tạo: tập trung 02 năm

3. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng ứng dụng

3.1. Đối tượng và điều kiện dự thi

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền.

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định (phụ lục 2) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

3.2. Phương thức tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam và xét tuyển đối với ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ – Thành phố Hà Nội.

3.3. Các môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn: Lý luận cơ bản Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh HVYDCT-SĐH năm 2025 quyết định).

- Môn chuyên ngành: Bệnh học Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh HVYDCT-SĐH năm 2025 quyết định).

3.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (*theo mẫu có trong hồ sơ dự thi*).

2. Sơ yếu lý lịch.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe.

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).

6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).

7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

3.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu hoặc ngược lại.

- Căn cứ tổng điểm kết quả 2 môn công bố (không cộng điểm ngoại ngữ) sau khi đã cộng điểm ưu tiên (nếu có) xếp thứ tự và điểm trúng tuyển xác định đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

3.6. Hình thức đào tạo: tập trung 02 năm

4. Tuyển sinh trình độ Chuyên khoa I ngành Châm cứu

4.1. Điều kiện dự thi

- Có bằng tốt nghiệp bác sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tương đương trình độ đại học nhưng phải kèm theo giấy chứng nhận đã qua đào tạo bổ sung ngành YHCT hoặc chuyên ngành phù hợp với thời gian đào tạo ít nhất là 12 tháng tại cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam. Hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ y khoa và có thêm chứng chỉ định hướng chuyên khoa YHCT (hoặc chứng chỉ chuyên khoa định hướng YHCT hoặc chứng chỉ chuyên khoa sơ bộ YHCT hoặc chứng chỉ sơ bộ chuyên khoa YHCT hoặc chứng chỉ đào tạo liên tục định hướng chuyên khoa YHCT được tuyển sinh và đào tạo trước ngày 09 tháng 07 năm 2019, chứng chỉ đào tạo y học cổ truyền cơ bản với thời gian từ 09 tháng trở lên).

- Có chứng chỉ hành nghề bác sĩ YHCT. Đối với những bác sĩ làm việc liên tục trong ngành YHCT từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự tuyển được đăng ký dự thi có giấy phép hành nghề.

- Đủ sức khỏe học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học chuyên khoa cấp I tại Việt Nam phải đảm bảo các điều kiện trên và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

4.2. Hình thức đào tạo: chính quy

- Hệ tập trung: Học tập trung 02 năm.

- Hệ tập trung theo chứng chỉ: Học tập trung từng đợt theo kế hoạch của Học viện, thời gian học tập trong 05 năm.

4.3. Các môn thi tuyển: 02 môn thi viết

1. Môn: Giải phẫu (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh HVYDCT-SĐH năm 2025 quyết định)

2. Môn chuyên ngành: Y học cổ truyền (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh HVYDCT- SĐH năm 2025 quyết định)

4.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Đơn đăng ký dự thi ghi rõ chuyên ngành xin học (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của cơ quan cử đi dự tuyển).

3. Giấy khai sinh (Bản sao công chứng hợp lệ).

4. Giấy chứng nhận sức khỏe (*Theo quy định tại Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế*) của cơ sở y tế có thẩm quyền còn hiệu lực trong thời gian 06 tháng (bản chính).

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).

6. Chứng chỉ hành nghề bác sĩ Y học cổ truyền/giấy phép hành nghề có phạm vi hành nghề theo Phụ lục VI Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. (Bản sao công chứng hợp lệ)/ Luật Dược theo quy định phù hợp với chuyên ngành CKI đăng ký dự tuyển.

7. Quyết định hoặc Hợp đồng lao động dài hạn (Bản sao công chứng hợp lệ)

8. Công văn giới thiệu của cơ quan cử đi dự thi.

9. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm trình độ Đại học (Bản sao công chứng hợp lệ).

Đối với ứng viên tốt nghiệp tại nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, Học vị (nếu có) (Bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bản sao công chứng hợp lệ).

10. Bằng tốt nghiệp khác, bảng điểm (Bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

4.5. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện thi tuyển đủ điều kiện xét tuyển khi Các môn thi đều phải đạt từ 5,0 trở lên (thang điểm 10, làm tròn đến 0,5). Tổng điểm công bố sau khi đã cộng

điểm ưu tiên (nếu có) và không làm tròn điểm. Tổng điểm 2 môn thi được xếp theo thứ tự từ trên xuống để xét tuyển theo chỉ tiêu công bố.

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng số điểm thì việc xác định người trúng tuyển thứ tự ưu tiên:1. Điểm môn thi chuyên ngành cao hơn; 2 điểm tổng kết trung bình tích lũy toàn khóa trong chương trình đào tạo bậc học trước cao hơn; 3 giới tính nữ.

5. Tuyển sinh trình độ Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

5.1. Điều kiện dự tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền và đạt từ loại khá trở lên.

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam, cụ thể khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên và chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá hai năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ sáu bật dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe, thai sản).

- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành.

- Học viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, nếu có đủ các điều kiện trên được xét miễn thi tuyển.

5.2. Hình thức đào tạo

- Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: Thi tuyển.

- Tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ nội trú: 01lần/năm.

- Thời gian đào tạo: 03 năm.

- Học viên phải thường trú tại Học viện.

- Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con.

5.3. Các môn thi tuyển: Thi viết

a) Môn thi 1

Thí sinh được chọn một trong hai ngoại ngữ: Tiếng Anh và tiếng Trung mức độ đề thi tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và có phần ngoại ngữ chuyên ngành.

Miễn thi ngoại ngữ cho những đối tượng sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Tiếng Anh hoặc tiếng Trung hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ Tiếng Anh hoặc tiếng Trung.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cấp trong thời gian không quá 2 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực đến ngày đăng ký dự tuyển.

b) Môn thi 2: Sinh lý.

c) Môn thi 3: Lí luận cơ bản Y học cổ truyền

d) Môn thi 4: Bệnh học Y học cổ truyền

Thí sinh đạt trình độ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam – Theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT được miễn thi ngoại ngữ.

5.4. Hồ sơ dự thi

1. Đơn đăng ký dự thi ghi rõ chuyên ngành xin học, môn ngoại ngữ dự xét tuyển và cam kết chấp hành phân công công tác sau khi tốt nghiệp (nếu có).

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của trường đại học (bản chính).

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền còn hiệu lực trong thời gian 06 tháng (bản chính).

5. Bốn ảnh 3x4 cm, nền trắng, chụp không quá 03 tháng, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và ngành dự tuyển ở mặt sau.

6. Bản sao bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học ngành YHCT (công chứng).

7. Bản sao hợp lệ bảng điểm đại học toàn khóa.

8. Chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ (công chứng).

9. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, công chứng).

5.5. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện thi tuyển đủ điều kiện xét tuyển: đạt từ 5,0 điểm trở lên của môn ngoại ngữ sau khi quy đổi từ thang điểm 100 về thang điểm 10 hoặc miễn thi ngoại ngữ; đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 đối với môn thi 2 và môn thi thứ 3 sau khi đã làm tròn đến 0,5; môn thi 4 phải đạt 7,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 sau khi đã làm tròn đến 0,5. Tổng điểm thi tuyển công bố xét tuyển là tổng điểm ba môn thi (không cộng điểm môn thi ngoại ngữ) sau khi đã cộng điểm ưu tiên (nếu có).

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm các môn thi thì việc xác định người trúng tuyển thứ tự ưu tiên: 1.Điểm môn thi 4 cao hơn; 2.Điểm tổng kết trung bình tích lũy toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn;3 Nữ.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Áp dụng đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I và BSNT.

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên:

Người dự thi thạc sỹ thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10 điểm) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1 điểm) vào kết quả thi cho một trong hai môn thi (thang điểm 10). Đối với người dự thi CKI và BSNT cộng 01 điểm theo thang điểm 10 vào tổng điểm các môn thi.

Ghi chú:

- Các thí sinh thuộc diện ưu tiên đề nghị nộp giấy xác nhận ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025

VI. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 19/ 8/ 2025.

2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00’ ngày 19/ 8/ 2025 đến 16h30’ ngày 30/ 9/ 2025.

3. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1: Đăng ký trực tuyến theo đường link: https://sdh.vutm.edu.vn/

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (*theo hướng dẫn đính kèm*).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển (theo mẫu đính kèm theo đường link https://vutm.edu.vn) tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú - Đại Mỗ – Thành phố Hà Nội.

V. KINH PHÍ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển và xét tuyển: 120.000 đồng /01 môn thi đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ, Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.

- Đối với nghiên cứu sinh: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

- Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 13/ 10/ 2025.

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: - Phòng 212 - Phòng Đào tạo sau đại học - Tầng 2 nhà 11 tầng, Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - số 2 Trần Phú - Đại Mỗ – Thành phố Hà Nội .

VI. ÔN THI

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 06/ 10/2025 (*Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo Sau đại học hoặc xem trên website của Học viện*).

VII. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM THI, XÉT TUYỂN

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 01, 02/ 11/ 2025.

- Ngày xét tuyển dự kiến: dự kiến ngày 10 – 14/ 11/ 2025.

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2025 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: ***https://vutm.edu.vn***.

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

- Công bố kết quả thi: dự kiến đợt 2 trước 28/ 11/ 2025

- Dự kiến nhập học: dự kiến : 12/2025

Nhận được thông báo này, trân trọng đề nghị Quý cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh Sau đại học đợt 2 năm 2025 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho các đơn vị trực thuộc để cán bộ có đủ điều kiện và nguyện vọng thi tuyển làm các thủ tục cần thiết dự thi theo đúng kế hoạch./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục KHCN&ĐT Bộ Y tế (để b/c);
- Vụ GDĐH Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các Phòng ban (để phối hợp th/h);
- Website Học viện;
- Lưu: VT, SĐH.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Huy

Phụ lục 1

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

KHUNG CHẤM XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

Họ và tên thí sinh: . . . . . .

Năm: 2025 Ngành: Y học cổ truyền

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
I. HỒ SƠ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH				
1	Đơn xin xét tuyển	Đúng mẫu		
2	Lý lịch khoa học	Đúng mẫu quy định và có xác nhận của đơn vị		
3	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền loại giỏi trở lên và bảng điểm.	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp Đại học công chứng		
	Hoặc bằng Thạc sĩ ngành YHCT và bảng điểm.	Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ công chứng		
		Bảng điểm công chứng tốt nghiệp Thạc sĩ (nếu có)		
	Tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe. (CKII ; BSNT)	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe công chứng		
4	Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học	Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		công nghệ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.		
		Thư giới thiệu nghiên cứu sinh: Đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.		
5	Đề cương nghiên cứu	Dự thảo đề cương nghiên cứu		
		Kế hoạch Nghiên cứu toàn khóa		
6	Kế hoạch học tập	Dự kiến kế hoạch học tập		
7	Năng lực ngoại ngữ	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;		
	Hoặc	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;		
	Hoặc	Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
	Hoặc	Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.		
8	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).	Đúng quy định		
9	Giấy xác nhận thời gian công tác 02 năm công tác đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ	Đúng quy định		
	Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng;	Đúng quy định		
10	Bản sao giấy khai sinh;	Đúng quy định		
11	Giấy chứng nhận sức khỏe;	Đúng quy định		
12	Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);	Đúng quy định		

II. CHẤM ĐỀ CƯƠNG NCKH XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH				
Phần 1	**Nội dung khoa học:**		**ĐIỂM TỐI ĐA**	**ĐIỂM CHẤM**
	- Bài luận định hướng nghiên cứu		**0,5 điểm**	
	- Tên đề tài, mục tiêu	Tên đề tài rõ ràng, mục tiêu khả thi, đo lường được, phù hợp với chuyên ngành	**1 điểm**	
	- Tổng quan tài liệu	Tổng quan tài liệu cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	**0,5 điểm**	
	- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp	**1 điểm**	
	- Dự kiến kết quả nghiên cứu	Dự kiến kết quả phù hợp mục tiêu nghiên cứu	**0,5 điểm**	
	- Kế hoạch nghiên cứu	Kế hoạch nghiên cứu phù hợp và khả thi	**0,5 điểm**	
	- Bộ công cụ nghiên cứu	Bộ công cụ nghiên cứu phù hợp mục tiêu và nội dung nghiên cứu	**0,5 điểm**	
	- nội dung hoặc giải quyết vấn đề nghiên cứu	Có tính sáng tạo hoặc tính mới về nội dung; giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn; tính khả thi, không trùng lặp.	**2 điểm**	
Phần 2	**Trả lời các câu hỏi của học viên (ít nhất 02 câu):**	- Trả lời đúng: tối đa **1,5 điểm/1 câu hỏi** - Không trả lời/sai: **0 điểm**	**3 điểm**	
Phần 4	**Hình thức đề cương luận án và slide báo cáo**	Bố cục hợp lý, bài trình bày đẹp, tác phong trình bày tốt	**0,5 điểm**	
	Tổng điểm đề cương		**10**	
Phần 4	**Dự kiến thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh (tiêu chuẩn thầy hướng dẫn)**			
	- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan; Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc			

	có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp đề tài nghiên cứu.	
	Hoặc là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan; Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).	
	Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn	
	Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus).	Cần đảm bảo tiêu chuẩn của người hướng dẫn theo đúng quy định tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh
	Hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành	
	Hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định	
	Số lượng NCS đang hướng dẫn: - Người hướng dẫn chính - Hoặc người hướng dẫn độc lập - Hoặc người hướng dẫn phụ Số lượng Học viên sau đại học đang hướng dẫn: - Thạc sĩ - Chuyên khoa II - Bác sĩ nội trú	

III. Hướng dẫn đánh giá và xét tuyển

Mỗi thí sinh dự tuyển được chấm điểm xét tuyển theo thang điểm trên:

- Điểm hồ sơ dự tuyển do Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá.

- Điểm bài luận/đề cương dự kiến NC của thí sinh do Hội đồng chấm đề cương đánh giá

- Kết quả xét tuyển mỗi thí sinh là gồm kết quả đánh giá hồ sơ "đạt" các tiêu chí đánh giá và điểm chấm đề cương của Hội đồng .

Ghi chú:

- Điểm đánh giá bài luận và đề cương của thí sinh là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng chấm đề cương có mặt và lấy đến một chữ số thập phân. (Riêng phần: Chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu phải đạt ≥50% tổng số điểm của phần đó)

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU CHẤM XÉT TUYỂN HỒ SƠ NGHIÊN CỨU SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

Họ và tên thí sinh: . . . . . .

Năm: 2025 Ngành: Y học cổ truyền

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
I. HỒ SƠ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH				
1	Đơn xin xét tuyển	Đúng mẫu		
2	Lý lịch khoa học	Đúng mẫu quy định và có xác nhận của đơn vị		
3	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền loại giỏi trở lên và bảng điểm.	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp Đại học công chứng		
	Hoặc bằng Thạc sĩ ngành YHCT và bảng điểm.	Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ công chứng		
		Bảng điểm công chứng tốt nghiệp Thạc sĩ (nếu có)		
	Tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe. (CKII ; BSNT)	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe công chứng		
4	Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học	Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		Thư giới thiệu nghiên cứu sinh: Đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.		
5	Đề cương nghiên cứu	Dự thảo đề cương nghiên cứu		
		Kế hoạch Nghiên cứu toàn khóa		
6	Kế hoạch học tập	Dự kiến kế hoạch học tập		
7	Năng lực ngoại ngữ	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;		
	Hoặc	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;		
	Hoặc	Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.		
	Hoặc	Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.		
8	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).	Đúng quy định		
9	Giấy xác nhận thời gian công tác 02 năm công tác đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ	Đúng quy định		
	Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng;	Đúng quy định		
10	Bản sao giấy khai sinh;	Đúng quy định		
11	Giấy chứng nhận sức khỏe;	Đúng quy định		
12	Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);	Đúng quy định		

Đánh giá chung: ☐ Đạt không cần bổ sung

☐ Đạt nhưng cần phải bổ sung

☐ Không đạt

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI CHẤM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	TPKH-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 925 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

Xét đề nghị của Công ty TNHH British Council (Việt Nam) tại Hồ sơ đề nghị công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Apis ESOL họp ngày 24 tháng 3 năm 2023;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL) tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

Điều 2. Mức độ tương đương cụ thể như sau:

KNLNNVN		Aptis ESOL
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Hữu Độ

Phụ lục 3:

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHẤM XÉT TUYỂN THẠC SỸ
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

Xét tuyển: Gồm 2 phần

Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển như sau

TT	Nội dung xét					Hồ sơ hiện có (đánh dấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt/ không đạt
1	**Kết quả học tập**	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc		
					Giỏi		
					Khá		
					TB/TBK		
2	**Năng lực ngoại ngữ**	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6 trở lên theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
3	**Kinh nghiệm công tác chuyên môn**	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành hoặc đang học một chương trình BSNT của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam					

		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành				
		Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành				
		Mới tốt nghiệp đại học và công tác ít hơn 6 tháng				
4	**Người dự kiến hướng dẫn Độc lập/Chính/Đồng hướng dẫn**	Trong 60 tháng, là tác giả của bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus				
		Trong 60 tháng, không có công bố bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus nhưng đủ tiêu chuẩn hướng dẫn chính/độc lập/đồng hướng dẫn				
5	**Kinh nghiệm và thành tích Nghiên cứu khoa học trong vòng 36 tháng tính đếnh thời điểm nộp hồ sơ**	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước đượpc HĐCDGSNN tính điểm	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí khoa học khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
		Tham gia	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/Thành	Tham gia		

		công trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu)	phố (Số đề tài x Thang điểm)			
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thàng điểm)	Chủ nhiệm đề tài		
				Thư ký đề tài		
				Tham gia		
		Thành tích Nghiên cứu khoa học	Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Thành phố			
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Trường/Bệnh viện			
Đánh giá phần 1						

Đánh giá chung: ☐ Đạt không cần bổ sung

☐ Đạt nhưng cần phải bổ sung

☐ Không đạt

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI CHẤM

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHẤM XÉT TUYỂN THẠC SỸ
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: Tổng điểm tối thiểu ≥ 5,0

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: Tối đa 3 điểm, chấm điểm lẻ đến 0,1

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	**0,5**	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ rang, khả thi	**1,0**	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ	**1,0**	
4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv…)	**0,5**	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		**3,0**	

2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi): Tối đa 7 điểm, chấm lẻ đến 0,1

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,1 điểm)	1,0	

3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (05 câu hỏi và mỗi câu trả lời được tính tối đa 1,0 điểm)	5,0	
Tổng điểm tối đa phần 2.2		7,0	

3. Tổng số điểm: Phần 2.1 + Phần 2.2

- Điểm bằng số: ..... (***Bằng chữ:***

.....

.....)

**Lưu ý: Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm*

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm.....

NGƯỜI CHẤM

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3:

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU NĂM 2025

Xét tuyển: Gồm 2 phần

Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển như sau

TT	Nội dung xét					Hồ sơ hiện có (đánh dấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt
1	**Kết quả học tập**	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc		
					Giỏi		
					Khá		
					TB/TBK		
2	**Năng lực ngoại ngữ**	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6 trở lên theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
3	**Kinh nghiệm công tác chuyên môn**	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành hoặc đang học một chương trình BSNT của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam					
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành					
		Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành					
		Mới tốt nghiệp đại học và công tác ít hơn 6 tháng					
4	**Người dự kiến hướng dẫn Độc lập/Chính/Đồng hướng dẫn**	Trong 60 tháng, là tác giả của bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus					
		Trong 60 tháng, không có công bố bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus nhưng đủ tiêu chuẩn hướng dẫn chính/độc lập/đồng hướng dẫn					

5	**Kinh nghiệm và thành tích Nghiên cứu khoa học trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ**	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước đượpc HĐCDGSNN tính điểm	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
			Trên tạp chí khoa học khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (Số bài báo x thang điểm)		
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)		
		Tham gia công trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu)	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/Thành phố (Số đề tài x Thang điểm)	Tham gia		
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thàng điểm)	Chủ nhiệm đề tài		
				Thư ký đề tài		
				Tham gia		
		Thành tích Nghiên cứu khoa học	Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Thành phố			
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Trường/Bệnh viện			
Đánh giá phần 1						

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: Tổng điểm tối thiểu ≥ 5,0

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: Tối đa 3 điểm, chấm điểm lẻ đến 0,1

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	0,1	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ rang, khả thi	1,0	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ	1,0	
4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv…)	0,5	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		**3,0**	

2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi): Tối đa 7 điểm, chấm lẻ đến 0,1

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,1 điểm)	1,0	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (05 câu hỏi và mỗi câu trả lời được tính tối đa 1,0 điểm)	5,0	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		**7,0**	

**Lưu ý: - Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm.*

- Điểm mỗi mục 2.1 và 2,2 của phần 2 phải đạt ≥ 50% số điểm tối đa.